# HS: ……. LỚP:

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HK II:MÔN SINH HỌC KHỐI 7 NĂM HỌC 2021 – 2022**

# BÀI 40: ĐA DẠNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA LỚP BÒ SÁT

**Câu 1: Giải thích tại sao khủng long bị tiêu diệt, còn những loài bò sát cỡ nhỏ trong những điều kiện ấy vẫn tồn tại và sống sót cho đến ngày nay?**

* Nguyên nhân:

+ Do sự cạnh tranh thức ăn, môi trường sống với các loài (chim, thú,…).

+ Do sự thay đổi đột ngột của khí hậu → bất lợi, không kịp thích nghi.

+ Thiên tai: gây chết hàng loạt.

* Bò sát cỡ nhỏ vẫn có thể tồn tại là do: cơ thể nhỏ dễ tìm nơi ẩn náu, nhu cầu thức ăn không cao,…

# Câu 2: Nêu đặc điểm chung của lớp Bò sát?

* + Môi trường sống: đa dạng.
  + Da khô có vảy sừng.
  + Chi yếu có vuốt sắc.
  + Màng nhĩ nằm trong hốc tai.
  + Phổi có nhiều vách ngăn.
  + Tim 3 ngăn có vách ngăn hụt (trừ cá sấu), máu đi nuôi cơ thể là máu pha.
  + Có cơ quan giao phối, thụ tinh trong.
  + Là động vật biến nhiệt.

# Câu 3: Sự ra đời và thời đại phồn thịnh của khủng long?

* + Tổ tiên của Bò sát là lưỡng cư cổ.
  + Bò sát cổ được hình thành cách đây khoảng 230 hoặc 283 triệu năm.
  + Thời kì phồn thịnh nhất của bò sát là thời đại Khủng long. Do gặp điều kiện thuận lợi, chưa có kẻ thù.

# Câu 4: Sự diệt vong của khủng long?

* Cách đây khoảng 65 triệu năm khủng long bị diệt vong do:
  + Cạnh tranh với chim và thú.
  + Do ảnh hưởng của khí hậu và thiên tai.

# Câu 5: vai trò của bò sát?

* + - Có lợi:
  + Có ích cho nông nghiệp: tiêu diệt sâu bọ,tiêu diệt chuột: như rắn, thằn lằn…
  + Có giá trị thực phẩm: ba ba, rùa…
  + Làm dược phẩm (rượu rắn, mật trăn, yếm rùa …
  + Sản phẩm mĩ nghệ: vảy đồi mồi, da rắn, cá sấu …
    - Tác hại: gây độc cho người: rắn độc.

# BÀI 41: CHIM BỒ CÂU

**Câu 6: Trình bày đặc điểm cấu tạo ngoài của chim bồ câu thích nghi với đời sống bay bằng cách hoàn thành bảng sau:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đặc điểm cấu tạo ngoài** | **Ý nghĩa thích nghi** |
| Thân hình thoi | Giảm sức cản của không khí khi bay |
| Chi trước: cánh chim | Quạt gió (động lực của sự bay), cản không khí khi hạ cánh |
| Chi sau: 3 ngón trước, 1 ngón sau | Giúp chim bám chặt vào cành cây và khi hạ cánh |
| Lông ống: có các sợi lông làm thành phiến mỏng | Làm cho cánh chim khi dang ra tạo nên một diện tích rộng |
| Lông tơ: có các sợi lông mảnh làm thành chùm lông xốp | Giữ nhiệt, làm cơ thể nhẹ |
| Mỏ: mỏ sừng bao lấy hàm, không có răng | Làm đầu chim nhẹ |
| Cổ: dài, khớp đầu với thân | Phát huy tác dụng của giác quan, bắt mồi, rỉa lông |

# Câu 7: Trình bày đặc điểm sinh sản của chim bồ câu.

* Chim bồ câu trống không có cơ quan giao phối. Khi đạp mái, xoang huyệt lộn ra hình thành cơ quan giao phối tạm thời.
* Thụ tinh trong, đẻ 2 trứng/lứa, trứng có vỏ đá vôi, trứng có nhiều noãn hoàng.
* Trứng được cả chim trống và chim mái ấp, chim non yếu được nuôi bằng sữa diều của chim bố mẹ.

# Câu 8: Kiểu bay vỗ cánh và bay lượn có những đặc điểm khác nhau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các động tác bay** | **Kiểu bay vỗ cánh (chim bồ câu)** | **Kiểu bay lượn (chim hải âu)** |
| Cánh đập liên tục | x |  |
| Cánh đập chậm rãi và không liên tục |  | x |
| Cánh dang rộng mà không đập |  | x |
| Bay chủ yếu dựa vào sự nâng đỡ của không khí và hướng thay đổi của luồng gió |  | x |
| Bay chủ yếu dựa vào động tác vỗ cánh | x |  |

**BÀI 46: THỎ**

# Câu 9: Hãy cho biết vì sao thỏ hoang di chuyển với vận tốc tối đa là 74 km/h, trong khi cáo xám: 64km/h; chó săn: 68 km/h; chó sói 69,23 km/h, thế mà trong nhiều trường hợp, thỏ rừng vẫn không thoát khỏi những loài thú ăn thịt kể trên?

* + Thỏ hoang di chuyển nhanh hơn thú ăn thịt (nói trên), nhưng nó không dai sức bằng thú ăn thịt, nên càng về sau vận tốc di chuyển càng giảm, lúc đó nó bị thú ăn thịt bắt.

# Câu 10: Quan sat hình sau (46.5 SGK) Giải thích tại sao, con thỏ chạy không dai sức bằng thú ăn thịt song trong một số trường hợp vẫn thoát khỏi được nanh vuốt của con vật săn mồi? (lưu ý

**trên đường chạy của thỏ có cả những đoạn bụi cây rậm rạp và các hang trong đất).**

* + - Thỏ chạy theo hình chữ Z còn thú ăn thịt chạy theo đường thẳng, nên thú ăn thịt bị mất đà và không vồ được thỏ.
    - Lợi dụng khi kẻ thù bị mất đà, Thỏ chạy theo 1 đường khác và lẩn vào bụi rậm để ẩn nấp.

# Câu 11: Nêu ưu điểm của sự thai sinh so với sự đẻ trứng và noãn thai sinh?

* Thai sinh không bị lệ thuộc vào lượng noãn hoàng của trứng.
* Phôi được phát triển trong bụng mẹ an toàn .
* Con non được nuôi bằng sữa mẹ, có sự bảo vệ của mẹ ở giai đoạn đầu đời.
* Tỷ lệ sống sót của con non cao hơn.

# Câu 12: Trình bày đặc điểm cấu tạo ngoài của thỏ thích nghi với đời sống và tập tính lẩn trốn kẻ thù?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bộ phận cơ thể** | **Đặc điểm cấu tạo ngoài** | **Sự thích nghi với đời sống và tập tính lẩn trốn kẻ thù** |
| Bộ lông | Lông mao dày xốp. | Che chở, giữ nhiệt cho cơ thể. |
| Chi (có vuốt) | Chi trước ngắn. | Đào hang. |
| Chi sau dài khỏe. | Bật xa → chạy nhanh khi bị săn đuổi. |
| Giác quan | Mũi thính và lông xúc giác nhạy bén | Thăm dò thức ăn hoặc môi trường. |
| Tai thính, vành tai dài, lớn, cử động được theo các phía. | Định hướng âm thanh, phát hiện kẻ thù. |
| Mắt có mi cử động được. | - Giữ mắt không bị khô, bảo vệ khi thỏ trốn trong bụi gai rậm. |

**BÀI 49: ĐA DẠNG CỦA LỚP THÚ. BỘ DƠI VÀ BỘ CÁ VOI**

# Câu 13: Trình bày đặc điểm cấu tạo của dơi thích nghi với đời sống bay.

* Cơ thể thon, nhỏ.
* Chi sau yếu, bám vào vật, không tự cất cánh.
* Chi trước biến đổi thành cánh da: (mềm rộng, nối chi trước, chi sau và đuôi).
* Đuôi ngắn.
* Không có đường bay rõ rệt.
* Đại diện: dơi ăn sâu bọ, dơi ăn quả.

# Bài 14: Trình bày đặc điểm cấu tạo của cá voi thích nghi với đời sống trong nước?

* Thân hình thoi, thon dài, cổ ngắn không phân biệt với thân.
* Chi trước biến đổi thành vây bơi dạng bơi chèo (có xương cánh, xương ống, xương bàn tay).
* Chi sau tiêu giảm
* Đuôi biến đổi thành vây đuôi
* Di chuyển bằng cách uốn mình, ăn bằng cách lọc mồi.
* Đại diện: cá voi xanh, cá heo.

# BÀI 55: TIẾN HÓA VỀ SINH SẢN

**Câu 15: Hãy so sánh hình thức sinh sản vô tính và hình thức sinh sản hữu tính?**

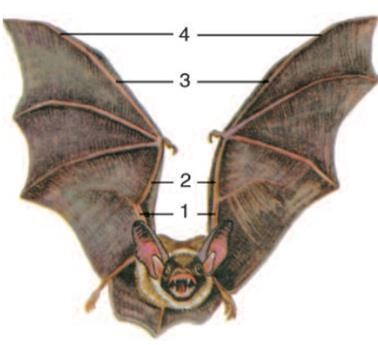
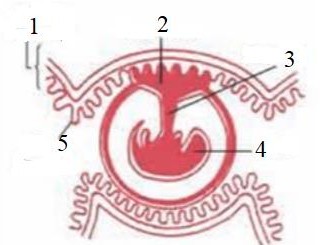
* + Giống: tạo ra cá thể mới, duy trì nòi giống.
  + Khác:

|  |  |
| --- | --- |
| Sinh sản vô tính | Sinh sản hữu tính |
| * Không có sự kết hợp giữa giao tử đực và cái * Con cái giống hệt con ban đầu * Còn hạn chế | * Có sự kết hợp giữa giao tử đực và cái * Con cái có sai khác so với bố mẹ ban đầu * Ưu điểm hơn |

# Câu 16: Giải thích sự tiến hóa hình thức sinh sản hữu tính, cho ví dụ:

* Thụ tinh ngoài → thụ tinh trong.
* Đẻ nhiều trứng → đẻ ít trứng → đẻ con.
* Phôi phát triển có biến thái → phát triển trực tiếp không có nhau thai → phát triển trực tiếp có nhau thai.
* Con non không được nuôi dưỡng → con non được nuôi dưỡng bằng sữa mẹ → được học tập thích nghi với cuộc sống.
  + Ví dụ: trai sông (thụ tinh ngoài) → châu chấu (thụ tinh trong).

# Câu 17: Em chú thích và cho biết tên hình sau?



………..…………………**Chúc các em ôn thi tốt**………………………………